**Truyện ngắn của GG. MARQUEZ**

**BIỂN CỦA THỜI ĐÃ MẤT**

Truyện ngắn của GG. MARQUEZ [Bản dịch Nguyễn Trung Đức – NXB Ngoại văn Hà Nội 1987]

Một làng quê nghèo ven bờ biển. Không có ai thức đến sau tám giờ tối. Một đêm tháng ba, gió biển phả lên bờ một mùi hương hoa hồng. Tobias thức giấc, ngửi thấy mùi hoa, thịt da anh cũng thơm phức hấp dẫn loài cua biển bò lên, chui vào giường của anh. Anh mất ngủ cả đêm để xua lũ cua khỏi giường. Gần sáng mùi hoa hồng nhạt đi, anh mới ngủ yên được.

Buổi sáng hôm sau, anh thức dậy muộn hơn vợ. Clotindez đang nhóm lửa ngoài sân. Uống cà phê xong anh hỏi vợ có biết mùi hoa hồng đêm qua. Cô trả lời từ nhỏ đến giờ “chưa từng biết mùi hoa ấy”. Ở cái làng nghèo này, thỉnh thoảng có người từ xa tới mang những bó hoa hồng ném xuống biển – nơi đây chính là nghĩa địa của làng. Mỗi khi có người chết đều phải ném xuống. Anh bảo vợ – đó là mùi người chết. Mỗi khi thuỷ triều đưa rác rửi vào bờ, khi rút đi để lại những xác cá chết. Làng nghèo lại càng nghèo nữa.

Cùng buổi sáng đó, nhà vợ chồng ông bà Jacob. Bà lão dậy sớm hơn thường lệ, ngồi vào bàn ăn sáng, cáu kỉnh nói với chồng “nguyện vọng cuối cùng của tôi là được chôn sống”. Bà năn nỉ người chồng vốn yêu bà tha thiết, rằng bà cảm thấy mình sắp chết vì đêm qua ngửi thấy mùi hoa hồng “ông ơi, tôi muốn khi chết được chôn dưới đất như một người tử tế”. Ông an ủi rằng bà còn khoẻ mạnh…Nhưng ông cũng hứa với bà làm theo ý nguyện (được chôn sống). Ông xin bà ráng chờ ít bữa để chuẩn bị các thứ cần thiết. Ông lão rất lo lắng về thái độ của vợ.

9 giờ sáng, lão Jacob đi ra tiệm chơi cờ đam. Hỏi ông bạn có dám chôn sống vợ không. Ông kia trả lời tỉnh khô rằng có thừa can đảm làm việc đó. Và an ủi Jacob rằng nửa làng này ngửi thấy mùi hoa hồng. Jacob lang thang trong làng dò hỏi xem ai nữa ngửi thấy mùi hoa hồng. Gặp anh chàng Tobias, lão lôi anh tới nhà để làm chứng cho cho bà lão biết rằng anh cũng ngửi thấy hoa hồng. Bà lão Jacob đang ngồi may bộ đồ kiểu dành cho người đàn ông goá vợ. Bà nghe Tobias nói anh cũng ngửi thấy hoa hồng, bà không tin, cho rằng ông Jacob và Tobias nói dối bà.

Tobias thức canh nhiều đêm để chờ đợi theo dõi biển, còn Clotindez vợ anh ngủ say ngáy vang như sấm…Biển lặng lẽ hoặc sôi sục, ngầu bọt và rác, đổi màu, gầm gừ.

Tháng thám, bà lão Jacob chết ở trên giường. Cả làng đến dự an táng bà theo lệ thường: ném thi thể bà xuống biển mà không kèm vòng hoa viếng.

Mấy đêm sau, Tobias lại thức canh chờ mùi hương. Anh bừng tỉnh khi gió biển phả mùi hoa hồng. Anh gọi vợ thức dậy mà thưởng thức, Nhưng Clotindez ngái ngủ không chịu ra. Anh chạy bổ đi gõ cửa khắp làng, chỉ có một cụ già theo anh ra bãi biển để hít thở thưởng thức mùi hương ấy lâu lắm mới lại thấy kể từ sau cái chết của bà lão Jacob.

Tiệm giải khát và giải trí của lão Catarino đang mở dĩa hát phục vụ khách với những dĩa hát cũ. Mây đen kéo trùm mặt biển. Khách uống rượu và chơi cờ. Ông Jacob cũng mò tới, than phiền với bạn bè rằng cái mùi hương hoa hồng đã giết chết bà vợ yêu của ông. Lần này mùi hoa hồng từ biển thổi lên suốt mấy tuần liền, nhiều người ngửi thấy. Ông Jacob say mê chơi cờ với hy vọng rằng thì kiếm được 20 đồng pêsô đủ để bỏ làng ra đi. Ngày chủ nhật có nhiều người đến làng này trong đó có những phụ nữ vốn gốc dân làng này bỏ đi từ lâu khi làng điêu tàn. Bây giờ họ trở về béo tốt, giàu có, mang về nhiều dĩa hát mới, xổ số, sòng bạc, thuốc trường sinh bất tử bán rong…Người đến cuối cùng là một cha xứ. Dần dần cha xứ cấm đánh bạc, cấm nhạc mới và một số điệu nhảy (Mĩ Latin là nơi sinh ra nhiều điệu nhảy lạ khác hẳn châu Âu, gần đây như điệu Lambada cuối thế kỉ 20). Ngài giảng giải về mùi hoa hồng: “các con hãy cảm ơn Đức Chúa Trời, đó là mùi hương của Thượng đế. Trong Kinh Thánh, cái mùi hương này đã được nói và giải thích rõ. Chúng ta may mắn đang sống trong một làng được Chúa yêu quý”. Tobias dẫn vợ – Clotindez đi xem các trò chơi để cô làm quen với đồng tiền.

Một đêm kia, có người khách lạ xuất hiện ở làng – ngài Herbert một người Mĩ giàu có. Ngài mang theo hai thùng tiền lớn. Ngài rung chuông, dân chúng xúm xít lại lắng nghe:

– Ta là người giàu có nhất trần gian. Ta muốn chia tiền cho mọi người. Chia tiền mà không có lí do như thế sẽ chẳng có ý nghĩa gì hết.

Một người đàn ông bước ra xin ngài 48 đồng peso, ngài hỏi anh biết làm gì. Anh hót đủ 48 giọng chim hót khác nhau và ngài trao tiền cho anh. Mỗi ngày, ngài Herbert tiếp một người và cho họ tiền. Một cô gái xin 500 đồng. Ngài bảo cô phải tiếp khách đàn ông đủ 100 người ở phòng bên cạnh. Cô đồng ý. Ngài gọi 100 người đàn ông, cấp cho họ mỗi người 5 đồng lần lượt vào phòng cô gái…

Ông lão Jacob vác bàn cờ xin chơi với ngài Herbert. Lão thua liên miên, hết tiền phải ghi tiếp vào sổ nợ. Cuối cùng lão gán luôn ngôi nhà – cái tài sản duy nhất của lão cho ngài Hertbert.

Lần lượt, ngài Herbert chiếm đoạt nhẹ nhàng hầu hết nhà cửa và cái làng ven biển này. Ngài cho tổ chức một tuần lễ vui chơi có âm nhạc, pháo nổ và hoa. Ngài hứa với dân làng sẽ cho xây dựng một thành phố tương lai ở đây. Ngài đưa bức vẽ cho dân chúng xem. Họ mừng rơn với trái tim đau thương, họ cười ra nước mắt. Họ sống trong đám mây mù bảng lảng của niềm tin…Ngài lắc chuông kết thúc cuộc vui.

Rồi ngài lăn ra ngủ hết ngày này sang ngày khác. Nhiều ngày trôi qua, nhiều người đến xin ngài giúp đỡ nhưng chờ mãi ngài chưa thức dậy. Họ bỏ đi đào cua biển để sống. Cha xứ báo cho ông Jacob biết dân chúng đang dần dần bỏ làng đi nơi khác. Cha đề nghị xây một cái nhà thờ để giữ lòng tin cho dân chúng vùng này và cần phải nhờ ngài Herbert giúp đỡ. Ông Jacob nói phải chờ ngài. Hai người ngồi chơi cờ đam liên tục nhiều ngày mà ngài vẫn say ngủ. Cha xứ lú lẫn, đi lang thang khắp làng quyên tiền xây nhà thờ. Nhưng người ta cho rất ít tiền. Một ngày chủ nhật, cha dắt hai con la, một chở va li quần áo và một va li tiền, một con cha cưỡi lên và ra đi vĩnh viễn. Cha còn kịp nói với một số người, : “mùi hoa hồng sẽ không còn trở về nữa. Cần phải hiểu rằng cái làng này đã phạm tội chết”.

Khi ngài Herbert thức dậy, kêu đói. Ông Jacob bảo ngài đi đào cua nếu không chẳng có gì ăn. Ngài Herbert đi đào cát, sùi bọt mép mà chỉ được một ít con cua. Chiều đến, ngài rủ anh Tobias lặn xuống đáy biển kiếm thức ăn. Ngài bảo ở tầng đáy biển nơi ném nhiều người chết hẳn có nhiều rùa béo. Hai người nhảy xuống biển, lặn sâu tới tận nơi ánh sáng trời không thể lọt tới. Họ bơi qua một cái làng dưới đáy biển, nơi có nhiều đàn ông đàn bà cưỡi ngựa quanh những quán âm nhạc. Ngoài sân, hoa hồng rực rỡ tươi thắm. Ngài bảo: “cái làng này bị chìm vào một ngày chủ nhật – đó là một thảm hoạ”. Tobias nhìn thấy trong làng có nhiều hoa hồng, anh định bơi vào: “tôi muốn hái một bông đem về cho Clotindez để cô ấy biết thế nào là hoa hồng”. Ngài Herbert ngăn cản anh lúc khác hãy hái vì giờ này ngài đói gần chết rồi. Hai người bơi tiếp và gặp rất nhiều người chết, nằm ngửa bất động, tầng trên tầng dưới. Họ là những người bị bỏ quên – ngài nghĩ vậy – có lẽ họ đã chết hàng thế kỉ nên mới có trình độ nghỉ ngơi như thế…Vừa lúc đó có một người phụ nữ bơi qua trước mắt họ. Người ấy bơi nghiêng, hai mắt mở to, một dòng hoa trôi theo sau. Ngài Herbert dừng lại ngắm, bất động cho tới khi bông hoa cuối cùng lướt qua: “Đó là người đàn bà đẹp nhất trong đời ta được hân hạnh nhìn thấy”. Tobias nói: “Đó là bà vợ của ông Jacob đấy. Bà ấy trẻ lại đến năm mươi tuổi”.

Họ bơi tiếp tới đáy biển. Bóng tối phủ đầy. Họ nhìn thấy rất nhiều rùa, hàng ngàn con nằm úp thìa vào nhau im như hoá đá. Ngài Herbert bảo: “Chúng còn sống cả đấy, nhưng chúng đã ngủ hàng triệu năm”. Họ bắt về một số rùa. Ngài Herbert dặn Tobias: “Muốn tốt thì chớ có kể lại với ai. Anh nghĩ xem, thế gian sẽ loạn lên nếu mọi người biết rõ những cảnh tượng này”. Gần nửa đêm họ về tới làng. Họ đánh thức Clotindez đun nước làm thịt rùa. Ngài Herbert cắt tiết làm thịt con rùa. Khi moi tim con rùa, họ phải cầm dao giết chết trái tim bởi nó cứ giãy đành đạch ở ngoài sân.

Cả ba người xì xụp ăn không kịp thở. Ngài Herbert bảo: “mùi hoa hồng sẽ không bao giờ trở lại”. Tobias cãi: “nó sẽ trở lại, thưa ngài”. Clotindez nói chen vào: “Nó sẽ không bao giờ trở lại., bởi vì nó chưa bao giờ đến đây cả. Chính anh đã khuấy động cả thiên hạ”. Ngài Herbert khuyên hai anh chị hãy bỏ làng đi kiếm sống nơi khác rồi sau đó ngài từ biệt họ ra đi.

Clotindez gọi anh vào phòng đi ngủ. Nhưng anh không để ý. “Vào đây anh ngốc ơi, đã hàng thế kỉ chúng ta không đùa giỡn như những con thỏ”. Tobias đợi một hồi nữa. Khi anh vào phòng, Cltindez đã ngủ say. Anh thức cô dậy. Vì mệt mỏi ngái ngủ, họ nhầm lẫn lung tung. Cuối cùng họ cuốn vào nhau như những con giun. “Anh đang ngớ ngẩn nghĩ đến việc khác phải không?” – cô vợ cáu kỉnh hỏi. “Ừ, anh đang nghĩ về những việc khác”. Cô vợ đòi nghe những việc đó. Anh bắt cô hứa phải không được kể cho ai nghe. Cô hứa sẽ giữ kín.

– Ở dưới đáy biển có một làng gồm những ngôi nhà trắng có trồng hàng triệu bông hoa.

Clotindez giơ tay ôm lấy đầu: “Ôi anh Tobias, hãy vì tình thương của Thượng đế mong từ đây anh đừng làm những chuyện như thế nữa”.

Tobias thôi nói chuyện, lăn mấy vòng ra tận mép giường nằm chờ giấc ngủ. Anh vẫn không sao ngủ được cho đến sáng khi gió nhẹ đổi chiều và những con cua biển chịu để cho anh yên.

Cụ già có đôi cánh khổng lồ

Truyện ngắn của G.G Marquez

Trời mưa đến ngày thứ ba. Cua bị chết ở trong nhà rất nhiều đến nỗi Pê-la-đô phải lội qua sân nhà mình ngập nước để ra biển ném chúng đi, bởi vì đứa trẻ mới sinh cả đêm qua sốt cao quá và người ta liền nghĩ ngay rằng nó ốm là do nhiễm phải cái mùi khắm của xác những con vật chết. Ngay từ ngày thứ ba, khung cảnh làng thật buồn bã. Bầu trời và mặt biển đều xám màu tro. Các bãi biển mọi ngày cứ vàng rộm chói chang dưới ánh mặt trời nay biết thành những vũng nước nổi váng bùn và rác rưởi. Ngay lúc đang trưa ánh sáng cũng lờ mờ yếu ớt đến mức Pê-la-đô từ ngoài biển trở về phải lấy hết sức bình sinh mới nhìn ra ở cuối sân có một vật gì đó đang cựa quậy và rên rỉ. Anh ta buộc phải đến rất gần mới nhận ra được có một ông già ngã sấp trên mặt đất bùn và dù cố sức vùng vẫy đến đâu ông già cũng không đứng dậy nổi bởi hai cánh to, rất to cứ ghim cổ lại.

Pê-la-đô rất kinh hoàng, vội chạy đi tìm Ê-li-xen-đa, vợ anh đang pha thuốc cho đứa trẻ ốm và lôi chị đến tận nơi có ông già. Hai người vừa lo sợ vừa chăm chú quan sát ông già. Quần áo của ông rách như tổ đỉa. Trên cái đầu hói bóng lơ thơ sót lại mấy sợi tóc bạc kéo từ thái dương ra sau gáy và hai hàm răng cũng chỉ còn lại mấy chiếc khấp khểnh. Trông ông già trong tình trạng ấy thật là thiểu não. Đôi cánh của ông già giống như cánh gà, bê bết bùn trụi gần hết lông, cứ dính chặt xuống đất bùn. Do ngắm nhìn ông già quá lâu và quá quan tâm lo lắng cho ông già, cả hai người không cảm thấy sợ nữa và bắt đầu cảm thấy ông già gần gũi với mình hơn. Thế là họ bạo dạn đến nói chuyện với ông già và ông già đã trả lời họ bằng thứ ngôn ngữ địa phương khó hiểu nhưng giọng nói của ông sang sảng như giọng nói của thủy thủ. Thế là, không kể đôi cánh kia gây cho họ cảm giác khó chịu, ông già đem lại cho họ một ý nghĩ đúng đắn. Họ nghĩ, đó là một hành khách đi trên một chiếc tàu ngoại quốc bị cơn bão đánh đắm và ông già đã dạt vào đây. Tuy nhiên, bọn họ đã gọi bà hàng xóm thông hiểu nhiều chuyện đời và chuyện bí ẩn của thần chết cùng đến xem ông già. Chỉ cần nhìn thoáng một cái, bà ta đã nói để an ủi hai người:

– Đó là một vị thần. Ta tin chắc rằng ngài đến để chúc mừng đức trẻ mới đẻ nhưng vì quá già nên đã bị mưa bão đánh ngã.

Đến ngày hôm sau, cả bàn dân thiên hạ đều biết rằng trong nhà Pê-la-đô có một vị thần bằng xương bằng thịt. Theo quan điểm của bà hàng xóm thông hiểu mọi nhẽ thì trong thời kì ấy các vị thần đều là những kẻ sống sót và phải chạy trốn cuộc nổi loạn trên thiên đường, cho nên dân làng không đang tâm dùng gậy mà đập chết ông già. Suốt buổi chiều hôm ấy, từ nhà bếp, Pê-la-đô dùng chiếc dùi cui ngồi canh chừng ông già. Trước khi đi ngủ, anh ta lôi ông già trên đất bùn đến chuồng gà và nhốt ông già vào với bầy gà trong chuồng bưng lưới sắt. Đến nửa đêm, khi trời mưa tạnh, Pê-la-đô và Ê-li-xen-đa vẫn tiếp tục giết lũ cua bò trong nhà. Sau đó ít lâu, đứa trẻ thức giấc, hết sốt, đòi ăn. Thế là vợ chồng họ cảm thấy sung sướng và họ liền trở thành hào phóng, đã quyết định để ông già lên một chiếc máng cùng với nước uống và thức ăn trong ba ngày sẽ thả cụ ra ngoài biển phó mặc cho vận may rủi. Nhưng khi trời vừa hửng sáng hai vợ chồng ra sân thì thấy hàng xóm láng giềng kéo đến đông nghịt đứng trước chuồng gà mà trêu chọc vị thần già, mà ném cho ngài các thức ăn làm như thể vị thần già là một con người không bình thường mà chỉ là một con vật làm xiếc mà thôi.

Cha xứ Gông-xa-ra đến đây lúc bảy giờ. Cha được tin này, không chỉ có những người nhẹ dạ cả tin mà còn có những người chín chắn hơn cũng tò mò kéo đến nhà Pê-la-đô và họ thi nhau bình luận về tương lai của kẻ bị nhốt trong chuống gà. Những người đần độn hơn cả thì nghĩ rằng có lẽ ông già sẽ được bổ nhiệm làm quan thị trưởng của cả thế giới. Những người khác, những người có tinh thần bi quan lại nghĩ rắng ông già sẽ được phong tước năm sao để chiền thắng tất cả các cuộc chiến tranh. Những kẻ hay mơ mộng hão lại nghĩ rằng ông già sẽ được bảo quản và giữ gìn cẩn thận như con vật giống để gieo rắc trên trái đất này một loại người có cánh và thông minh để lãnh đạo cả thế giới. Nhưng cha xứ Gông-xa-ra, trước khi là thầy tu đã là tay tiều phu lực lưỡng, dù đang chăm chú nhìn qua lưới sắt vẫn ôn lại cuốn sách giáo lí vấn đáp của mình và vẫn tiếp tục đề nghị mở rộng cánh cửa hơn để đến gần ông già đáng thương mang dáng dấp giống một con gà cộc già nua khổng lồ đang đứng ở giữa bầy gà ngây ngô. Ông già đang nằm ở xó chuồng, giữa đám vỏ hoa quả và thức ăn mà người ta ném cho từ lúc sáng sớm, để phơi đôi cánh khổng lồ giăng ra dưới nắng. Khi cha xứ Gông-xa-ra bước vào chuồng gà và dùng tiếng La-tinh chào vị thần thì ông già vẫn giữ vẻ thờ ơ mặc cho đám đông tò mò đang đứng trước của chuồng gà và hầu như ông già cũng chỉ ngước mắt lên và lẩm bẩm điều gì bắng thứ ngôn ngữ địa phương khó hiểu. Khi cha xứ biết rằng ông già này không biết ngôn ngữ La-tinh, ngôn ngữ của Thượng đế là cũng không biết chào hỏi những đại diện của mình ở hạ giới thì cha sinh nghi. Sau đó, càng quan sát kĩ, cha càng thấy ông già giống người nhiều hơn giống thần, cũng có mùi hôi ẩm trong trận bão, có rêu xanh lè trong hai cánh, và những chiếc lông lớn cũng bị bão làm cho xơ xác và như vậy là không một biểu hiện bề ngoài nào của ông già này phù hợp với các thánh được vẽ trong tranh. Thế là đức cha ra khỏi chuồng gà rồi đức cha đọc một bài thuyết giảng vắn tắt nhắc nhở những kẻ tò mò hãy cành giác trước những ý nghĩ nông cạn và chớ nên vội tin vào những điều mà mình nhìn thấy. Cha nhắc họ rằng quỷ dữ cũng thường ranh ma trá hình các thánh, trà trộn trong các vũ hội các-na-van để đánh lừa những kẻ nhẹ dạ cả tin. Cha còn lập lí rằng nếu đôi cánh kia không phải là yếu tố cơ bản để phân biệt con diều hâu với một chiếc máy bay thì lại càng không phải là điều kiện để thừa nhận ông già là một vị thần. Tuy nhiên, cha xứ hứa sẽ viết ngay một bức thư gửi lên đức giám mục báo cho ngài biết tin này để ngài viết thư lên đấng bề trên để đấng bề trên của ngài lại viết thư lên đấng bề trên nữa cho đến khi nào tới tay Đức Giáo hoàng và nhờ thế mọi người ở đây sẽ được đọc lời phán xét cuối cùng của tòa thượng thẩm.

Sự cẩn trọng của cha xứ là vô ích. Tin tức về vị thần bị nhốt trong nhà Pê-la-đô được lan truyền đi rất nhanh đến mức chỉ sau ít đó mấy giờ, sân nhà Pê-la-đô đông (…) kẻo họ làm đổ mất nhà. Ê-li-xen-đa, lưng còng hẳn đi vì phải cúi suốt ngày để quét rác chợ, lúc ấy liền nảy ra ý định rất đẹp: che sân nhà lại và bán vé với giá năm xu cho những ai muốn xem vị thần già có đôi cánh khổng lồ.

Những kẻ tò mò thích chuyện lạ từ đảo Mác-ti-ních cũng đến đây. Một gánh xiếc lưu động mang cả một gã làm trò nhào lộn cũng đến đây. Gã nhiều lần bay vù vù trên đầu đám dân chúng nhưng cũng không một ai thèm để ý vì đôi cánh của gã không phải là đôi cánh thiên thần mà chỉ là cánh của con dơi khổng lồ. Những người bất hạnh nhất của cả vùng biển Ca-ri-bê đến đến đây để mong được chữa bệnh: một người đàn bà bị bệnh tim ngay từ thời ấu thơ lúc nào cũng đếm nhịp tim mình và bà ta đã đếm được rất nhiều, tới mức không còn đủ con số cho bà ta đếm; một bác nông dân Ha-mai-ca không tài nào ngủ được vì tiếng động của các vì sao cứ làm bác khó chịu; một kẻ mộng du ban đêm cứ đi lại ồn ào không cho ai ngủ và rất nhiều những người bị bệnh khác. Trong hoàn cảnh ồn ào chen lấn đến ngộp thở kia, Pê-la-đô và Ê-li-xen-đa cực kì sung sướng vì chưa đầy một tuần, họ đã thu được rất nhiều tiền và nhét chặt vào các phòng ngủ và hàng người chờ xếp hàng đến lượt vào xem vẫn dài lê thê đến tận chân trời.

Chỉ có cụ già kia là không tham dự vào chính sự kiện do mình gây ra. Trong lúc thời gian qua đi, vị thần già tìm cách nằm thoải mái trong cái ổ người ta làm cho mình mà chịu đựng cái nóng khủng khiếp nơi hỏa ngục do những ngọn đèn dầu và nến thắp sáng ngay bên cạnh gây nên. Thoạt đầu mọi người tưởng rằng vị thần già sẽ ăn lá long não, mà theo như lời bà hàng xóm thông thái nọ đó là món ăn đặc biệt của các vị thần. Nhưng ngài không thèm ăn, cũng như ngài không đụng đến các thức ăn trưa của Giáo hoàng do các tín đồ dâng lên mà chỉ ăn lá nõn cây bê-rê-nhê-na. Kiên nhẫn đó là đức tính nổi bật của ngài, nhất là trong những ngày đầu, ngài rất nhẫn nại, cứ mặc nhiên thây kệ bọn gà thi nhau rỉa sâu bọ sinh sản trong đôi cánh ngài, thây kệ bọn ốm đau nhổ lông ngài để phết lên những chỗ đau, thây kệ những kẻ ném đá vào ngài để buộc ngài phải đứng dậy cho họ có dịp được nhìn ngắm toàn bộ thân hình ngài. Chỉ có một lần duy nhất họ khiến ngài phải đứng dậy ấy là khi bọn họ dùng một con dấu sắt nung đỏ ấn vào mạn sườn ngài, vì họ nghĩ rằng ngài đã chết rồi. Thế là ngài thức dậy đầy hoảng hốt, miệng vẫn lảm nhảm một thứ ngôn ngữ rất khó hiểu, nước mắt lưng tròng, rồi ngài vỗ cánh liền hai cái khiến cho bụi và phân gà trong chuồng bay lên tựa như một cơn lốc.

Nhiều người tin rằng sự phản ứng của ngài không phải do ngài giận dữ mà là do ngài đau đớn. Thế là từ đó trở đi, người ta chăm lo cho ngài cẩn thận hơn, vì phần lớn đều cho rằng sự nhẫn nại chịu đựng được mọi phiền toái của ngài không phài sự nhẫn nại của người anh hùng mà là trạng thái nghỉ ngơi sau bao gian truân trong bão táp.

Cha Gông-xa-ra dùng những lời lẽ ngọt ngào để thuyết phục đám dân chúng đừng đến đây nữa mà hãy chăm lo công việc gia đình trong lúc đợi sự phán quyết dứt khoát của đấng bề trên về bản thể của kẻ bị giam giữ. Nhưng đường thư Rô-ma có lẽ không còn ý thức trách nhiệm trước tính chất khẩn cấp của lá thư. Trong lúc thời gian trôi đi thì mọi người bận tâm tìm hiểu xem cái vị thần già giam giữ kia có trốn không, tiếng địa phương của ông già có phải là tiếng A-ra-mê-rô hay chỉ đơn giản ông già là một người Nê-ru-ê-gô có cánh mà thôi. Những bức thư chậm trễ ấy cứ việc đi rồi về cho đến tận cuối các thế kỉ nếu như không có một sự kiện hiển nhiên xảy ra kịp thời chấm dứt những tham vọng của đức vua.

Quả nhiên, trong những ngày ấy có một sự kiện độc đáo xảy ra. Giữa những gánh xiếc lưu động đến làng có một gánh xiếc trình diễn tiết mục về một người con gái vì không nghe lời cha mẹ bị biến thành con nhện. Vé vào cửa chẳng những rẻ tiền hơn so với vé xem vị thần già mà còn trong khi xem người ta có thể hỏi rất nhiều điều về hoàn cảnh câu chuyện xảy ra. Người ta có thể phân tích kĩ càng câu chuyện cho đến khi nào không còn nghi ngờ gì về sự thật của nó. Đó là một con nhện khổng lồ to như con cừu và nó có bộ mặt trông như bộ mặt cô trinh nữ buồn tủi. Nhưng điều đáng thương tâm hơn cả là không phải cái hình thù xấu xí, nực cười của cô ả mà chính là thái độ ngây thơ chân thành trong khi cô ả kể lại chuyện đời mình với đầy đủ các chi tiết nhỏ nhặt nhất ngay từ khi còn là trẻ ranh, cô ả đã trốn cha mẹ để đi khiêu vũ. Sau một đêm khiêu vũ không được phép của cha mẹ, trên đường về cô ta bị một tiếng sấm nổ rạch đôi bầu trời và một tia chớp xanh lè bổ xuống biến cô ta thành con nhện. Thức ăn duy nhất của cô ả là những viên thịt băm người ta vui vẻ ném vào mồm ả. Một tích truyện như thế tự nó mang một sự thật nhân bản và một bài học đáng sợ, nó đã đánh bại một cách không thương tiếc cái trò đi xem vị thần già nua không làm được trò trống gì ngoài việc đủ can đảm nhìn vào cái chết. Ngoài ra, những phép màu hiếm hoi mà người ta cố gán cho vị thần già chẳng có sức thuyết phục, tỉ như phép màu mà ngài chữa bệnh cho một ông mù thì ông mù không lành mắt lại mọc thêm được ba răng, như phép màu ngài dùng để trị bệnh cho kẻ bị bại liệt thì kẻ này không khỏi bệnh mà lại suýt nữa trúng số độc đắc hoặc phép màu ngài dùng để trị bệnh cho một người hủi không lành bệnh mà lại thấy cây hướng dương mọc lên quanh những vết lở loét. Đúng ra những phép màu này giống như những lời đùa tếu bông lơn đã đánh tan thanh danh của vị thần già khi gánh xiếc có người con gái bị biến thành nhện đến làng. Đó là nguyên nhân khiến đức cha khỏi bệnh lẩm cẩm, giúp cho sân nhà Pê-la-đô trở lại khung cảnh vắng vẻ như cái hồi mưa ba ngày liền khiến cua thi nhau bò lồm cồm khắp các phòng trong ngôi nhà.

Chủ nhà chẳng có lí do gì để mà phải ca thán. Với số vốn lớn thu được họ làm một ngôi nhà hai tầng, có ban công và vườn hoa, chân nhà ốp gạch men để cho cua không thể bò được vào phòng trong những ngày mưa to gió lớn và tại các cửa sổ lưới thép được chăng lên để không một vị thần nào có thể chui vào trong nhà. Pê-la-đô còn cho lập một trại nuôi thỏ ngay cạnh làng và xin thôi không làm trương tuần nữa. Ê-li-xen-đa mua những đôi giày cao gót và khá nhiều váy lụa y hệt y phục các bà mệnh phụ thường dùng trong các ngày lễ tết. Chỉ riêng chuồng gà là nơi họ không thèm quan tâm. Nếu như có vài lần họ cọ rửa và xông lá thơm bên trong chuồng thì không phải là để thờ phụng vị thần già mà chính là để tẩy uế cái mùi hôi thối lởn vởn khắp ngôi nhà như một hồn ma và nó làm cho ngôi nhà ngày một cũ đi. Lúc đầu, khi đứa trẻ mới lững chững biết đi, họ chú ý chăm nom nó, không cho nó đến gần chuồng gà. Nhưng rồi họ cũng quên đi nỗi sợ hãi và bắt đầu làm quen với cái mùi hôi khó chịu kia và trước khi đứa trẻ thay răng sữa, nó đã vào chơi ngay trong chuồng gà làm cho sắt gỉ rơi lả tả từng mảng một. Vị thần khó chịu trước thằng bé hiếu động nhưng đã cố sức chịu đựng nó với tinh thần nhẫn nhục của một con chó đã rũ sạch mọi ảo tưởng. Cùng một lúc đứa trẻ và vị thần già đều bị bệnh thuỷ đậu. Viên bác sĩ lo điều trị cho đứa trẻ không thể kìm được lòng thương hại đã lấy ống nghe khám bệnh cho vị thần già và ông cũng cảm thấy rằng tim vị thần già đập nhanh quá và trong thận ông già có nhiều tiếng sôi khiến ông ta cảm thấy rằng vị thần già khó mà sống nổi. Tuy nhiên điều khiến ông ta ngạc nhiên hơn cả là tính chất logic của đôi cánh. Chúng rất tự nhiên trong cái bộ phận hoàn toàn người của vị thần già khiến bác sĩ không hiểu vì sao ở những người đàn ông khác lại không có cánh.

Khi đứa trẻ đi học, nắng mưa đã phá sập chuồng gà từ lâu. Vị thần già lê đôi cánh đi lại đây đó như một kẻ mộng du. Vợ chồng Pê-la-đô vừa đuổi vị thần già ra khỏi phòng ngủ thì ngay sau đó lại thấy ngài có mặt trong nhà bếp. Dường như cùng một lúc vị thần già có mặt ở khắp mọi nơi trong ngôi nhà địa ngục đầy ma quái. Vị thần già hầu như không ăn và đôi mắt trong của ngài lại ngầu đục và thế là ngài đi mà cứ va vấp hoài vào cột nhà, đôi cánh ngài trụi hết lông. Pê-la-đô lấy chăn đắp lên lưng cho vị thần già và cho ngài nằm trong nhà và chỉ đến khi ấy anh ta mới nhận ra rằng ngài lên cơn sốt suốt đêm và trong lúc lên cơn sốt ngài lẩm bẩm nói tiếng khó hiểu của người Nê-ru-ê-gô cổ xưa. Đó là một trong những lần hiếm có họ phải ngạc nhiên bởi ý nghĩ vị thần già sẽ chết và ngay cả bà hàng xóm thông thái cũng không thể bảo họ cần phải làm gì trước khi vị thần chết.

Tuy nhiên, vị thần già không những không chết trong ngày đông tháng giá mà còn tươi tỉnh khi mặt trời thức dậy. Nhiều ngày, ngài nằm im trong góc sân biệt lập, không mấy ai nhìn thấy ngài và vào những ngày tháng chạp bỗng trên đôi cánh ngài nở ra một ít lông to và cứng, đó là những chiếc lông của con chim già nua, chúng là biểu hiện của tuổi già lão. Nhưng có lẽ chính vị thần hiểu mình hơn ai hết về những lí do thay đổi ấy bởi vì ngài tự chăm lo mình cẩn thận hơn, để không một ai nhận ra ngài, để không một ai nghe thấy tiếng hát của những người đi biển mà đôi lúc họ như đang ca hát bên dưới các vì sao.

Một buổi sáng nọ trong lúc Ê-li-xen-đa đang ngồi thái hành chuẩn bị cho bữa cơm trưa thì nghe thấy một cơn gió hình như từ ngoài khơi lọt vào nhà bếp. Thế là Ê-li-xen-đa liền thò đầu qua cái cửa sổ và cô ngạc nhiên thấy vị thần già đang chuẩn bị cất cánh bay. Lúc đầu là những cú vỗ cánh hãy còn ngượng nghịu cuốn bụi bay theo và suýt làm đổ cả mái hiên. Nhưng rồi cuối cùng, vị thần già đã bay được và ngày càng bay cao. Ê-li-xen-đa thở phào một cánh nhẹ nhõm khi chị ta nhìn thấy ngài hiên ngang vẫy đôi cánh vĩ đại của con đại bàng. Chị ta tiếp tục nhìn theo cho đến khi hình bóng vị thần già mất hút ở đường chân trời, ấy là khi chị thái hành xong, bởi vì lúc ấy không phải là lúc vất vả của đời chị mà đúng hơn lúc ấy là một điểm tưởng tượng trong đường chân trời ngoài biển cả mênh mông.

1968